TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **06** /2019/DSST
Ngày 22/02/2019
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Bảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ **Ông Hoàng Tuyển**; 2/ **Bà Phạm Thị Thùy Dung**.

*** Thư ký phiên tòa**: **Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung**; chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên toà**: **Ông Ksơr Y Kơn**; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 283/2018/TLST-DS ngày 23/10/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 07/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-DS ngày 25/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Thạch, sinh 1962 – Có mặt.
Bà Đào Thị Bốn, sinh 1964 – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn:

+ Vợ chồng ô**ng Nguyễn Đức Hải**, sinh năm 1963 và **bà Võ Thị Đẹt**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn 5, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

+ Vợ chồng anh **Nguyễn Đức Hưng**, sinh năm 1988 và chị **Phan Thị Thùy**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 5, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày**: Vợ chồng bà Đào Thị B, ông Lê Văn T (gọi tắt là vợ chồng bà B) nhiều lần

cho ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị Đ (gọi tắt là vợ chồng ông H) với chị Phan Thị T, anh Nguyễn Đức H (gọi tắt là vợ chồng chị T) vay tiền, hiện tại vợ chồng ông H cùng vợ chồng chị Tcòn nợ tiền gốc là 135.000.000đ, cụ thể các lần vay:

Lần 1: Ngày 18/12/2012 âm lịch tức ngày 29/01/2013 dương lịch, cho vay 90.000.000đ, khi nhận tiền vay, chị Phan Thị T là người viết "Giấy mượn tiền" ngày 18/12/2012 âm lịch, phía dưới phần ký tên có chữ viết mang tên Nguyễn Đức H là do chị T viết thay cho ông H, chữ ký chữ viết mang tên Phan Thị T là do chị T ký, viết ra;

Lần 2: Ngày 25/12/2012 âm lịch tức ngày 05/02/2013 dương lịch, cho vay 5.000.000đ, khi nhận tiền vay, chị Phan Thị T là người viết giấy mượn tiền ngày 25/12/2012 âm lịch, phía dưới có chữ viết mang tên Nguyễn Đức H, Phan Thị T là do chị Phan Thị T viết ra;

Lần 3: Ngày 03/11/2012 âm lịch tức ngày 15/12/2012 dương lịch, cho vay 40.000.000đ, khi nhận tiền vay, anh Nguyễn Đức H là người viết "Giấy mượn tiền" ngày 03/11/2012, phía dưới có chữ viết mang tên Nguyễn Đức H, là do anh Nguyễn Đức H viết ra.

Đến hạn trả nợ, nhiều lần yêu cầu trả nhưng gia đình ông Nguyễn Đức H hứa trả nhưng không như cam kết nên ngày 23/10/2018 vợ chồng bà B khởi kiện. Ngày 26/10/2018, khi biết bị khởi kiện nên ông Nguyễn Đức H đã viết lại "Giấy mượn tiền", xác nhận hiện tại còn nợ số tiền nợ gốc là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), phía dưới có chữ ký chữ ký mang tên Nguyễn Đức H là do ông H ký, viết ra và hẹn đến năm 2023 sẽ trả hết số tiền nêu trên. Tuy nhiên, vợ chồng bà B không đồng ý, vì nhiều lần gia đình ông H hứa trả nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hứa. Do vậy, đề nghị giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị Đ cùng với vợ chồng anh Nguyễn Đức H, chị Phan Thị T có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc là 135.000.000đ (Một trăm, ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác.

*** Bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Đức H là bị đơn trình bày**: Ông với bà Võ Thị Đ là vợ chồng, anh Nguyễn Đức H là con trai của vợ chồng ông H, chị Phan Thị T là vợ của anh H, hiện tại còn nợ của vợ chồng bà B số tiền gốc 135.000.000đ như vợ chồng bà B đã khai nhận. Tại thời điểm vay tiền cũng như hiện tại vợ chồng chị Phan Thị T, anh Nguyễn Đức H đang sinh sống cùng với vợ chồng H và mục đích vay số tiền nêu trên để sử cho gia đình và một phần do ông H chi tiêu cá nhân.

Ngày 26/10/2018, ông Hải viết lại giấy mượn tiền, xác nhận hiện tại còn nợ số tiền nợ gốc là 135.000.000đ và cam kết đến năm 2023 sẽ trả hết số tiền nêu trên cho vợ chồng bà Đào Thị B.

*** Bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phan Thị T là bị đơn trình bày**: Chị T là vợ của anh Nguyễn Đức H và là con dâu của vợ chồng ông H, hiện tại còn nợ của vợ chồng bà B số tiền gốc 135.000.000đ. Tại thời điểm vay tiền cũng như

hiện tại vợ chồng chị T đang sinh sống cùng với vợ chồng H và mục đích vay tiền nêu trên để sử cho gia đình và một phần do ông Nguyễn Đức H chi tiêu cá nhân. Chị đồng ý với phương án trả nợ như ông Nguyễn Đức H đã ghi trong giấy mượn tiền ngày 26/10/2018.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Đức H là bị đơn đã chống đối, lẩn tránh, không hợp tác. Tuy nhiên, biên bản về việc đương sự chống đối, không hợp tác ngày 15/11/2018 tại Công an xã C, huyện E, anh Nguyễn Đức H khai nhận có viết giấy mượn tiền ngày 03/11/2012 thay cho ông Nguyễn Đức H để vay của vợ chồng bà B số tiền 40.000.000đ, thực tế số tiền này là do ông H vay nên anh H không liên quan, do vậy anh không làm bản tự khai cũng như không yêu cầu Tòa án tiến hành ghi lời khai.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Võ Thị Đ là bị đơn đã lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của bà Võ Thị Đ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H cùng với vợ chồng chị T liên đới trả cho vợ chồng bà B số tiền nợ gốc 135.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, buộc vợ chồng ông H cùng với vợ chồng chị T nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, ông Nguyễn Đức H, chị Phan Thị T thừa nhận còn nợ của vợ chồng bà B số tiền 135.000.000đ và xin trả làm 05 đợt, đến năm 2023 sẽ trả hết số tiền nêu trên. Xét thấy, thời hạn trả nợ do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định, hơn nữa thời hạn trả nợ ghi nhận trong các giấy mượn tiền đã quá hạn, mặt khác vợ chồng bà Bốn không đồng ý với việc xin gia hạn trả nợ của bị đơn. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận việc xin gia hạn trả nợ của ông Nguyễn Đức H, chị Phan Thị T.

[2] Mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Võ Thị Đ, anh Nguyễn Đức H chống đối, không hợp tác. Tuy nhiên, anh H thừa nhận có viết giấy mượn tiền ngày 03/11/2012 thay cho ông Nguyễn Đức H để vay của vợ chồng bà B số tiền 40.000.000đ. Hơn nữa, ông Nguyễn Đức H, chị Phan Thị T thừa nhận tại thời điểm vay tiền cũng như hiện tại vợ chồng chị Phan Thị T, anh Nguyễn Đức H đang sinh sống cùng với vợ chồng H và mục đích vay tiền nêu trên để sử chung trong gia đình và một phần do ông H chi tiêu cá nhân nhưng không phân chia cụ thể số

tiền sử dụng chung trong gia đình và số tiền ông H chi tiêu cá nhân là bao nhiêu. Mặt khác, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, thời gian đầu ông H và chị T hợp tác nhưng về sau lẩn tránh, không hợp tác, còn bà Võ Thị Đ và anh Nguyễn Đức Hchống đối, lẩn tránh và không hợp tác. Vậy, các bị đơn đã từ chối nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định vào các ngày 18/12/2012 âm lịch tức ngày 29/01/2013 dương lịch, ngày 25/12/2012 âm lịch tức ngày 05/02/2013 dương lịch và ngày 03/11/2012 âm lịch tức ngày 15/12/2012 dương lịch, vợ chồng bà B cho gia đình ông Nguyễn Đức H vay 135.000.000đ là các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Đến thời hạn trả nợ, nhưng bên vay không trả là vi ph ạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc vay tiền được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức H với bà Võ Thị Đ, giữa anh Nguyễn Đức H với chị Phan Thị T, tại thời điểm vay tiền cũng như hiện tại vợ chồng chị T sinh sống cùng với vợ chồng ông H và mục đích vay tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hơn nữa, trong số tiền nêu trên có lúc chị T, anh H cũng nhận tiền vay và viết giấy vay tiền. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng vợ chồng ông H cùng với vợ chồng chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà B số tiền nợ gốc 135.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là phù hợp vớiquy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và khoản 20 Điều 3, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về lãi suất: Theo các giấy mượn tiền không ghi nhận về việc bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi suất. Tuy nhiên, vợ chồng bà B yêu cầu bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Do vậy, buộc bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi suất theo khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể, bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi suất như sau:

Ngày 18/12/2012 âm lịch tức ngày 29/01/2013 dương lịch, vay 90.000.000đ và hẹn đến cuối năm 2013 sẽ trả. Vậy, tiền lãi suất phát sinh: 90.000.000đ X 0,83%/tháng X 61 tháng21 ngày (từ ngày 01/01/2014 đến 22/02/2019) = **46.089.900**đ;

Ngày 25/12/2012 âm lịch tức ngày 05/02/2013 dương lịch, vay 5.000.000đ và hẹn đến cuối năm 2013 sẽ trả. Vậy, tiền lãi suất phát sinh: 5.000.000đ X 0,83%/tháng X 61 tháng21 ngày (từ ngày 01/01/2014 đến 22/02/2019) = **2.560.500**đ;

Ngày 03/11/2012 âm lịch tức ngày 15/12/2012 dương lịch, vay 40.000.000đ và hẹn đến cuối năm 2013 sẽ trả. Vậy, số tiền lãi suất phát sinh: 40.000.000đ X 0,83%/tháng X 61 tháng 21 ngày (từ ngày 01/01/2014 đến 22/02/2019) = **20.484.000**đ.

Tổng số tiền lãi suất mà vợ chồng ông H cùng với vợ chồng chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà B: **46.089.900**đ + **2.560.500**đ + **20.484.000**đ = **69.134.400**đ.

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông H cùng với vợ chồng chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà B: **204.134.400**đ (Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm ba mươi tư ngàn, bốn trăm đồng), trong đó nợ gốc 135.000.000đ và lãi suất 69.134.400đ.

[4] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 288; Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 20 Điều 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyênxử:

I/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Đào Thị B, ông Lê Văn T.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị Đ cùng với vợ chồng anh Nguyễn Đức H, chị Phan Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đào Thị B, ông Lê Văn T số tiền **204.134.400**đ (Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm ba mươi tư ngàn, bốn trăm đồng), trong đó nợ gốc 135.000.000đ và lãi suất 69.134.400đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

II/ Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị Đ cùng với vợ chồng anh Nguyễn Đức H, chị Phan Thị T phải chịu **10.206.720**đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đào Thị B, ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí **4.375.000**đ, mà bà Đào Thị B đã nộp theo biên lai số 0008862ngày 22/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

III/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được niêm yết.

<u>Nơi nhận:</u>
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện EaH'Leo;*
- *Chi cục THADS huyện EaH'Leo;*
- *Đương sự;*
- . . . . . ;
- *Lưu hồ sơ.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quốc Bảo